

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Hón Quản, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc Thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện về việc Thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTXH ngày / /2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 với các nội dung như sau:

a. Tổng Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025 là 1.106 tỷ 216 triệu đồng, trong đó phân bổ chi tiết 1.071 tỷ 126 triệu đồng, dự phòng 35 tỷ 090 triệu đồng; giảm 34 tỷ 387 triệu đồng so với Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 và Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện thông qua, bao gồm:

- Vốn phân cấp: 133.810 triệu đồng.

- Vốn thu tiền sử dụng đất: 646.340 triệu đồng.
- Vốn các chương trình MTQG: 137.569 triệu đồng.
- Vốn tăng thu, kết dư: 160.497 triệu đồng.
- Vốn tinh hỗ trợ 20 phòng học: 28.000 triệu đồng

b. Phương án phân bổ:

Tổng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 là 1.106 tỷ 216 triệu đồng, được phân bổ cụ thể như sau:

- Dự án chuyển tiếp: 8.434 triệu đồng.
- Dự án khởi công mới: 1.009.363 triệu đồng.
- Vốn phân cấp xã đầu tư XD NTM nâng cao: 4.200 triệu đồng.
- Vốn chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS: 10.028 triệu đồng.
- Vốn chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 1.550 triệu đồng.
- Vốn tất toán các công trình giai đoạn 2021-2025: 30.471 triệu đồng
- Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025: 7.080 triệu đồng.
- Vốn dự phòng: 35.090 triệu đồng.

(Kèm theo biểu tổng hợp)

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh giao UBND huyện báo cáo Thường trực HĐND huyện để xem xét, điều chỉnh và báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 12/12/2022; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hớn Quản khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở KH và Đầu tư;
- Thường trực Huyện ủy;
- TT HĐND huyện, UBND huyện, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban chuyên môn;
- TT HĐND, TT UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV(Tuyên);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

Nguồn vốn ngân sách địa phương

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND huyện)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (tại NQ số 22/NQ-HĐND ngày 22/12/2022; 11/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của HĐND huyện)						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tỉnh hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tỉnh hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư	
	Tổng cộng		1.301.986	1.140.603	133.810	713.840	136.156	28.000	128.797	1.106.216	133.810	646.340	137.569	28.000	160.497	(34.387)
A	Công trình chuyển tiếp		68.429	8.434	8.434	-	-	-	-	8.434	8.434	-	-	-	-	-
I	Giao thông		5.000	3.000	3.000	-	-	-	-	3.000	3.000	-	-	-	-	-
1	Đường liên xã từ ấp Sóc Dầy xã Phước An đi cầu Xe Be thị trấn Tân Khai		5.000	3.000	3.000					3.000	3.000					-
II	Giáo dục		18.185	3.750	3.750	-	-	-	-	3.750	3.750	-	-	-	-	-
1	Xây dựng trường mầm non Tân Quan, xã Tân Quan	1830 ngày 13/10/2019	9.985	1.650	1.650					1.650	1.650					-
2	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS Phước An, xã Phước An	1865 ngày 29/10/2019	3.500	1.100	1.100					1.100	1.100					-
3	Xây dựng khối hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Tân Quan, xã Tân Quan	1829 ngày 23/10/2019	4.700	1.000	1.000					1.000	1.000					-
III	Vốn tắt toán các công trình đã quyết toán			1.684	1.684	-				1.684	1.684	-				-
B	Công trình khởi công mới		1.233.557	1.049.483	100.626	678.831	113.229	28.000	128.797	1.009.363	90.306	610.831	120.229	28.000	159.997	(40.120)
	Công nghiệp		6.500	6.100	-	2.000	1.500	-	2.600	6.100	-	2.000	1.500	-	2.600	-
1	Xây dựng mương thoát nước khu định canh định cư ấp Tầng Hách, xã An Phú	2216 ngày 31/12/2020	1.650	1.500			1.500			1.500			1.500			-
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đường Pitch, sân tập thể dục, nhà kho và bếp	3964 ngày 23/8/2021	2.850	2.600				2.600		2.600					2.600	-
3	Xây dựng hệ thống thoát nước đường nhựa trước UBND xã An Phú	3314 ngày 9/7/2021	2.000	2.000		2.000				2.000		2.000				-
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		766.210	774.315	48.410	542.143	83.823	-	99.939	753.037	48.410	506.043	81.823	-	116.761	(21.278)
1	Đường nhựa trước UBND xã An Phú	2213 ngày 31/12/2020	4.000	3.600			3.600			3.600			3.600			-
2	Làng nhựa đường từ ấp 1 đi ngã ba ấp 3, xã Minh Tâm	2215 ngày 31/12/2020	6.000	5.300		1.100	4.200			5.300		1.100	4.200			-
3	Làng nhựa đường ấp 3, xã Minh Tâm đi phường Hưng Chiến - thị xã Bình Long	2214 ngày 31/12/2020	6.300	5.300		1.100	4.200			5.300		1.100	4.200			-
4	Làng nhựa đường nhựa từ ngã ba Sóc Vàng đi cầu thanh niên ấp 4	2155 ngày 31/12/2020	6.000	5.300		1.100	4.200			5.300		1.100	4.200			-
5	Hạ tầng KDC xã Tân Lợi (đường sỏi đỏ)	2158 ngày 31/12/2020	2.000	1.800	1.800					1.800	1.800					-
6	Đường nhựa ấp Núi Gió, xã Tân Lợi kết nối Thị xã Bình Long	2209 ngày 31/12/2020	6.000	5.400	5.400					5.400	5.400					-
7	Hạ tầng KDC Xa Trạch (đường sỏi đỏ) xã Thanh Bình	2211 ngày 31/12/2020	3.000	2.700	2.700					2.700	2.700					-
8	Xây dựng các tuyến đường D1, D3, N1, N2 và san nền khu 1,2 ấp 2 Đồng Nơ	1459 ngày 22/6/2021	12.000	9.000		9.000				9.000		9.000				-

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (tại NQ số 22/NQ-HĐND ngày 22/12/2022; 11/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của HĐND huyện)						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tinh hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tinh hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư	
9	Xây dựng đường Bắc Nam 4, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTTC huyện	2201 ngày 31/12/2020	4.500	4.100		4.100				4.100		4.100				-
10	Xây dựng đường Bắc Nam 4A, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTTC huyện	2202 ngày 31/12/2020	3.700	3.350		3.350				3.350		3.350				-
11	Xây dựng đường Bắc Nam 4B, đoạn từ Đông Tây 5 đến Đông Tây 7, khu TTTC huyện	2203 ngày 31/12/2020	3.700	3.250		3.250				3.250		3.250				-
12	Xây dựng đường Bắc Nam 5, đoạn từ trục chính Đông Tây đến Đông Tây 7, khu TTTC huyện	2204 ngày 31/12/2020	8.500	7.600	1.000	6.600				7.600	1.000	6.600				-
13	Láng nhựa đường từ trục chính khu phố 6 thị trấn Tân Khai đến ranh ấp 1, xã Đông Nơ	2199 ngày 31/12/2020	7.500	6.800		5.400				6.800		5.400			1.400	-
14	Láng nhựa đường từ QL13 thị trấn Tân Khai đến cầu Xe Be ranh xã Phước An	2212 ngày 31/12/2020	6.500	6.000		-				6.000		-			6.000	-
15	Vốn phân cấp xã đầu tư các công trình, tuyến đường BTXM			178.879		117.852	3.200			179.151		117.852	3.200		58.099	272
16	Xây dựng đường nhựa từ ấp Bình Phú đi Sóc Rủi, xã An Phú	3313 ngày 9/7/2021	7.600	6.600		5.600	1.000			6.600		5.600	1.000			-
17	Đường nhựa từ ấp 2 xã (đốc Hương Cường) đi Chà Lon - Đông Nơ	4801 ngày 12/10/2021	10.600	9.500		2.300	7.200			9.500		2.300	7.200			-
18	Làm mới đường nhựa đường huyện Minh Đức – Đông Nơ (đoạn từ đốc vào trại heo Hòa Phước), dài 1,5km	4802 ngày 12/10/2021	6.400	5.700		1.200	4.500			5.700		1.200	4.500			-
19	Đường nhựa từ ngã 4 ĐH. Minh Đức – Đông Nơ đi ngã 3 Sóc Ruộng – Sóc Lộc Khê, dài 1,3km	4800 ngày 12/10/2021	5.600	4.700		1.400	3.300			4.700		1.400	3.300			-
20	Nâng cấp đoạn đường ĐH Minh Đức - Đông Nơ, đoạn từ ngã ba Bưu điện đến đốc Hương Cường dài 1,8km	4803 ngày 12/10/2021	11.000	7.700		7.700	-			7.700		7.700	-			-
21	Láng nhựa đường Sóc Ruộng xã Tân Quan	3338 ngày 12/7/2021	7.600	7.600	2.100					7.600	2.100				5.500	-
22	Nâng cấp đường vào mỏ cát xã Tân Hiệp	3312 ngày 9/7/2021	5.700	5.200		2.700				5.200		2.700			2.500	-
23	Nâng cấp đường sỏi đỏ vào Sóc Xoài Nhỏ, ấp Hưng Phát, xã Tân Hưng	3311 ngày 9/7/2021	3.600	2.500						2.500					2.500	-
24	Xây dựng đường Đông Tây 9	4497 ngày 22/9/2021	18.000	12.578		12.578				12.578		12.578				(4.600)
25	Xây dựng đường tổ 11,12 khu vườn ươm ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản	4798 ngày 12/10/2021	8.000	7.200		7.200				7.200		7.200				-
26	Nâng cấp đường từ ĐT 756 – Thuận An – Sóc Dầm – Địa Hạt, xã Thanh An	822 ngày 22/6/2022	18.000	9.000		1.000	8.000			9.000		1.000	8.000			-

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (tại NQ số 22/NQ-HĐND ngày 22/12/2022; 11/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của HĐND huyện)						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Tăng (+)/ giảm (-)	
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học		Vốn tăng thu + kết dư
27	Xây dựng các tuyến đường D2, N3, N4 KDC ấp 2, xã Đồng Nơ	4496 ngày 22/9/2021	7.600	6.900	6.900				6.900	6.900					-	
28	Xây dựng hệ thống điện KDC ấp 2 xã Đồng Nơ		11.000	5.500		5.500			5.500		-			5.500	-	
29	Nâng cấp đường ĐT 757 – Thanh Sơn, xã Thanh An	824 ngày 22/6/2022	8.000	4.000		2.000	2.000		4.000		2.000	2.000			-	
30	Xây dựng đường An Quý - Xa Cô, xã Thanh An	4799 ngày 12/10/2021	10.000	7.000		7.000	-		7.000		7.000	-			-	
31	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ngã 5 đi qua ấp Hưng Phát		15.000	13.500			13.500		13.500			13.500			-	
32	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ngã 5 đi qua Cầu Đức		10.000	9.000		1.000	8.000		9.000		-	6.000		3.000	-	
33	Nâng cấp, sửa chữa đường Long Bình – Sóc Lớn		5.000	4.500	4.500	-			4.500	4.500	-				-	
34	Xây dựng đường Đông Tây 16 khu TTHC huyện		3.000	27.000	7.260	19.740			27.000	7.260	19.740				-	
35	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng các khu đất của Cty CS Bình Long và xây dựng cơ sở hạ tầng.		69.010	69.010		69.010			69.010		69.010				-	
36	Xây dựng đường Bắc Nam 2 đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 9		15.000	13.500		13.500			13.500		13.500				-	
37	Xây dựng đường Bắc Nam 3 đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 9		15.000	13.500		13.500			13.500		13.500				-	
38	Xây dựng đường Bắc Nam 6 đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 10		20.000	18.000	13.350	4.650			18.000	13.350	4.650				-	
39	Xây dựng đường từ công TTVH xã kết nối đường Trà Thanh - An Khương		500	500		500			500		500				-	
40	Xây kè mương tuyến đường nhựa ĐT 756 nối ĐT 758 ấp Hưng Yên	5871 ngày 30/12/2021	2.400	2.200		2.200			2.200		2.200				-	
41	Kinh phí hoàn thiện các tiêu chí để huyện đạt chuẩn NTM		45.000	40.000		40.000			40.000		40.000				-	
42	Nâng cấp, sửa chữa đường từ QL13 đi Phước An, huyện Hớn Quản	5876 ngày 30/12/2021	23.000	16.125		16.125			16.125		16.125				-	
43	Mở rộng để định hình lộ giới 52m cho công trình đường Trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản	639 ngày 16/5/2022	50.000	10.000		10.000			-		-				(10.000)	
44	Xây dựng đường nhựa từ Trung tâm xã đi ấp 4 - xã Đồng Nơ		4.800	3.500			3.500		3.500			3.500			-	
50	Xây dựng đường Trường An - Sóc Dầy xã Phước An		5.700	4.500		4.500			4.500		4.500				-	
51	Làng nhựa đường KP 1, KP 2 đoạn từ Ngã tư Quốc tế TT Tân Khai	990 ngày 4/8/2022	16.500	9.600	1.600				8.000	9.600	1.600			8.000	-	

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (tại NQ số 22/NQ-HĐND ngày 22/12/2022; 11/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của HĐND huyện)						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tinh hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tinh hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư	
52	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân KP Tàu Ô thành nghĩa trang TT Tân Khai (giai đoạn 1)	996 ngày 4/8/2022	5.600	3.800	1.300				2.500	3.800	1.300				2.500	-
53	Xây Dựng Đường Trục Chính Bắc Nam (Đoạn Từ Đông Tây 7 Đến Đông Tây 10)	1296 ngày 4/10/2022	44.000	30.800					17.088	20.800					7.088	(10.000)
54	Xây Dựng Đường Vào Suối Ba Tòng, Xã Đông Nơ (kết nối xã Minh Hưng)	1293 ngày 4/10/2022	5.000	3.500			1.300			3.500			1.300			-
55	Xây Dựng Đường từ ấp Sờ Xiêm, xã Tân Hưng kết nối đường Tân Hưng - Long Tân	1292 ngày 4/10/2022	15.000	10.500					10.500	10.500						-
56	Xây Dựng Đường Ranh Xã Minh Tâm, Huyện Hớn Quản Với Phường Hưng Chiến, Tx. Bình Long	1299 ngày 4/10/2022	22.000	14.400					14.400	14.400						-
57	Xây dựng thảm nhựa đường tổ 2, Khu phố 2, Thị trấn Tân Khai, tuyến 1	1280 ngày 3/10/2022	4.900	3.400					3.400	3.400						-
58	Xây dựng thảm nhựa đường tổ 2, Khu phố 2, Thị trấn Tân Khai, tuyến 2	1281 ngày 3/10/2022	4.900	3.400					3.400	3.400						-
59	Xây dựng thảm nhựa đường tổ 8, Khu phố 1, Thị trấn Tân Khai, tuyến 1	1282 ngày 3/10/2022	4.900	3.400					3.400	3.400						-
60	Nâng cấp, sửa chữa khẩn cấp công ngang đường tổ 13, ấp 1A, xã Minh Đức		1.100	1.000			1.000			1.000			1.000			-
61	Xây Dựng Đường Ấp 2 -Sóc Vàng, Xã Minh Tâm Nối Ấp Sóc Rul, Xã An Phú		9.000	6.119			3.119			6.119			3.119			-
62	Xây dựng mương thoát nước bên trái đường nhựa trước UBND xã An Phú		3.200	3.200			3.200			3.200			3.200			-
63	Nâng cấp, mở rộng đường và xây mương đường vào Trường MN, THCS, trạm y tế xã An Phú		1.800	1.719			1.719			1.719			1.719			-
64	Xây dựng đường từ Trường THCS Minh Đức đến nông trường cao su Bình Minh	1274 ngày 30/9/2022	6.000	4.185			1.100	3.085		4.185			1.100	3.085		-
65	Nâng cấp đường Bắc Nam 3 (Đoạn từ Đông Tây 7 đến Đông Tây 11)	1600 ngày 18/11/2022	14.900	11.400	500		10.900			11.400	500		10.900			-
66	Nâng cấp đường Đông Tây 1 (Đoạn từ Quốc lộ 13 đến giao đường ĐT 756C)		14.500	11.100			11.100			11.100			11.100			-
67	Nâng cấp đường Đông Tây 4 (Đoạn từ Bắc Nam 1 đến đường Bắc Nam 7)	1599 ngày 18/11/2022	14.500	11.300			11.300			11.300			11.300			-
68	Xây dựng mương, kê, công ngang đường từ ngã 5, xã Tân Hưng đi hướng cầu Đức, xã Phước An	1602 ngày 18/11/2022	14.000	9.800			9.800			9.800			9.800			-
69	Nâng cấp, sửa chữa đường từ ấp Đông Tân đi ấp Chà Lon, xã Minh Đức	1604 ngày 18/11/2022	14.800	10.300			10.300			10.300			10.300			-
70	Nâng cấp đường Bắc Nam 1 (Đoạn từ Đông Tây 1 đến trục chính Đông Tây), Bắc Nam 2 (đoạn từ Đông Tây 1 đến Đông Tây 7)	1598 ngày 18/11/2022	14.800	12.400			12.400			12.400			7.400		5.000	-

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (tại NQ số 22/NQ-HĐND ngày 22/12/2022; 11/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của HĐND huyện)						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tỉnh hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tỉnh hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư	
71	Nâng cấp đường Đông Tây 3 (Đoạn từ QL 13 đến đường trục chính Bắc Nam), Đông Tây 4A, Đông Tây 5A, Đông Tây 6, Đông Tây 6A	1601 ngày 18/11/2022	14.900	9.100		9.100				9.100		9.100				-
72	Đầu tư hệ thống đèn tín hiệu giao thông TTHC huyện		5.800	5.000		5.000				5.000		5.000				-
73	Xây dựng dọc đường nhựa tại vị trí tổ 7, ấp 1 xã Minh Tâm		250							250					250	250
74	Xây dựng mương thoát nước tại tổ 4, ấp Xa Trạch 2		800							800					800	800
75	Xây dựng Hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống điện trung hạ thế khu U,V,X,Y của TTHC huyện		8.400							2.000					2.000	2.000
	Giáo dục		376.000	204.910	28.420	112.894	16.206	28.000	19.390	191.408	26.400	80.584	25.206	28.000	31.218	(13.502)
1	Xây dựng 04 phòng học và nâng cấp nhà vệ sinh trường TH&THCS An Phú	3856 ngày 11/8/2021	2.600	2.100		2.100				2.100		2.100				-
2	Xây dựng 06 phòng chức năng Trường TH&THCS An Phú	3330 ngày 12/7/2021	5.000	4.100		1.100			3.000	4.100		1.100			3.000	-
3	Xây dựng bếp ăn, hàng rào, sân bê tông và làm mái che trường MN Minh Tâm	2207 ngày 31/12/2020	2.000	1.600		1.600	-			1.600		1.600	-			-
4	Sửa chữa 05 phòng học và xây mới nhà vệ sinh giáo viên trường TH&THCS Minh Tâm		500	450					450	450					450	-
5	Xây dựng hàng rào điểm lẻ trường TH Minh Tâm		400	350					350	350					350	-
6	Xây dựng 04 phòng học + tường rào + sân chơi trường MN Tân Lợi	3335 ngày 12/7/2021	4.500	2.940	1.000				1.940	2.940	1.000				1.940	-
7	Xây dựng 04 phòng học Trường MN Tân Hiệp	3334 ngày 12/7/2021	3.600	2.800					2.800	2.800					2.800	-
8	Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Tân Hưng	3333 ngày 12/7/2021	13.500	8.000	3.700				4.300	8.000	3.700				4.300	-
9	Xây dựng 08 phòng học và nâng cấp sân bê tông trường THCS Đồng Nơ	3332 ngày 12/7/2021	7.100	5.600	2.400				3.200	5.600	2.400				3.200	-
10	Xây dựng Trường THCS Tân Khai		70.000	70.000	8.300	50.200	-	8.500	3.000	66.112	9.700	43.084	-	8.500	4.828	(3.888)
11	XD 12 phòng học trường TH&THCS Minh Đức	5917 ngày 31/12/2021	13.500	9.500		3.800	-	5.700		9.500		3.800	-	5.700		-
12	XD Trường Mầm non Minh Đức	5916 ngày 31/12/2021	22.000	14.000		12.500		1.500		14.000		2.500		1.500	10.000	-
13	Xây dựng 06 phòng hiệu bộ + 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Thanh Bình	5752 ngày 24/12/2021	5.700	4.000	1.200	-		2.800		4.000	1.200	-		2.800		-
14	Xây dựng 12 phòng học Trường TH Trà Thanh	5877 ngày 30/12/2021	13.500	9.500	3.000	-		6.500		9.500	3.000	-		6.500		-
15	Xây dựng 04 phòng học Trường Mầm non Tân Lợi		3.500	2.500		1.500		1.000		2.500		1.500		1.000		-

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (tại NQ số 22/NQ-HDND ngày 22/12/2022; 11/NQ-HDND ngày 20/4/2023 của HDND huyện)						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Tăng (+)/ giảm (-)	
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học		Vốn tăng thu + kết dư
16	Xây dựng 02 phòng phục vụ học tập Trường MN Tân Hiệp		1.600	1.000				1.000		1.000			1.000		-	
17	Xây dựng 05 phòng hiệu bộ Trường THCS Tân Hưng		3.500	2.500		1.500		1.000		2.500		1.500	1.000		-	
18	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Thanh Bình	792 ngày 7/5/2021	3.200	2.450	-		2.100		350	2.450	-		2.100	350	-	
19	Xây dựng 04 phòng hiệu bộ trường Mầm non xã Thanh An		1.800	1.620	1.620					-	-				(1.620)	
20	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Tân Hiệp		2.000	1.800	1.800					1.800	1.800				-	
21	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS Minh Tâm		2.000	1.800	1.800					1.800	1.800				-	
22	Xây dựng 04 phòng học trường THCS Thanh An		2.000	1.800	1.800					-	-				(1.800)	
23	Xây dựng 04 phòng học trường TH&THCS An Khương		2.000	1.800	1.800	-				1.800	1.800	-			-	
24	XD 08 phòng học trường MN Thanh An		13.000							2.500			2.500		2.500	
25	XD 04 phòng học + 06 phòng bộ môn trường TH Thanh An		14.800							2.500			2.500		2.500	
26	XD 08 phòng bộ môn trường THCS Thanh An		21.000							3.406			3.406		3.406	
27	XD mương thoát nước, sân bê tông trường THCS Đồng Nơ		2.200							2.000			2.000		2.000	
28	Xây dựng 10 phòng học Trường TH&THCS Tân Hiệp.		12.500							9.000			9.000		9.000	
29	Đầu tư xây dựng các trường chuẩn QG và Chương trình GD năm 2018		123.000	48.700	-	37.794	10.906			23.100	-	20.600	2.500		(25.600)	
30	Đầu tư trang thiết bị cho các trường học		1.000	1.000		1.000				1.000			1.000		-	
31	Đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng tiêu chuẩn về trường chuẩn quốc gia		3.000	3.000		3.000				3.000			3.000		-	
	Vấn hóa		30.132	24.697	7.400	11.500	5.797	-	-	25.647	6.000	12.900	5.797	-	950	
1	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã An Phú (nhà văn hóa ấp Tăng Hách, Phố Lố, Sóc Rul, An Tân)		1.000	800			800			800			800		-	
2	Xây dựng nhà văn hóa ấp Bình Phú		750	700			700			700			700		-	
3	Xây dựng nhà văn hóa ấp Hưng Lập B, xã Tân Hưng		750	700		700				700		700			-	
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Minh Tâm (nhà văn hóa ấp 1,2, sóc 5, sóc 6, sóc vàng)		1.200	1.000			1.000			1.000			1.000		-	
5	Xây dựng nhà văn hóa ấp 4 xã Minh Tâm		750	700			700			700			700		-	
6	Xây dựng nhà văn hóa ấp 3 xã Minh Tâm		750	700			700			700			700		-	
7	Xây dựng hàng rào TTVH xã Minh Tâm		1.000	-			-			-			-		-	

STT	Danh mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (tại NQ số 22/NQ-HĐND ngày 22/12/2022; 11/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của HĐND huyện)						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư	
8	Xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa xã Minh Đức		3.000	3.000	3.000					3.000	3.000					-
9	XD nhà văn hóa, công nhà văn hóa ấp Sờ Nhì		785	785			785			785			785			-
10	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Thanh Bình (nhà văn hóa ấp Đông Phát, Sóc Răng, Chà Là, Xa Cát) và mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa		512	512			512			512			512			-
11	Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của các xã (xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa trên địa bàn xã Thanh An)		3.000	3.000	1.400	1.600				3.000	-	3.000				-
12	Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của các xã (xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa trên địa bàn xã Tân Hưng)		3.000	3.000	3.000					3.000	3.000					-
13	Thiết chế văn hóa, thể thao thôn ấp, khu phố của các xã (xây dựng, sửa chữa nhà văn hóa)		3.000	3.000		3.000				3.000		3.000				-
14	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa ấp 23 Lớn, xã Phước An		750	500		500				500		500				-
15	Xây dựng hàng rào nhà văn hóa sóc 6, sân BTXM nhà văn hóa ấp 3, công nhà văn hóa ấp 1, xã Minh Tâm		400	370			370			370			370			-
16	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa sóc 5 xã Minh Tâm		300	230			230			230			230			-
17	Xây dựng công hàng rào TTVH huyện		8.200	5.700		5.700	-			5.700		5.700	-			-
18	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Lòng Hồ xã Tân Hưng		985							950					950	950
	QLNN		42.465	31.211	12.396	6.144	5.803	-	6.868	24.921	5.496	5.154	5.803	-	8.468	(6.290)
1	Xây dựng mở rộng Trụ sở bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (bộ phận một cửa)	3308 ngày 9/7/2021	6.800	6.000	3.600	1.400				6.000	3.600	1.400			1.000	-
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở, hội trường UBND xã Minh Đức và mua sắm trang thiết bị	4825 ngày 14/10/2021	1.500	1.500	1.500					1.500	1.500					-
3	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Thanh Bình	3329 ngày 12/7/2021	3.000	2.706			438		2.268	2.706			438		2.268	-
4	Nâng cấp, sửa chữa hội trường UBND xã An Phú		1.100	1.000			1.000			1.000			1.000			-
5	Nâng cấp, sửa chữa hội trường và mua sắm trang thiết bị xã Minh Tâm		1.200	1.200			1.200			1.200			1.200			-
6	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Thanh Bình và mua sắm máy vi tính		195	195			195			195			195			-
7	XD nhà làm việc Công an xã Thanh Bình		970	970			970			970			970			-
8	Nâng cấp, sửa chữa Nghĩa trang Liệt sỹ huyện (đối ứng ngân sách huyện)		450	450	396	54				450	396	54				-

STT	Dan h mục	Số quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (tại NQ số 22/NQ-HĐND ngày 22/12/2022; 11/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của HĐND huyện)						Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Tăng (+)/ giảm (-)
				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
					Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư		Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn các chương trình mục tiêu	Vốn tính hỗ trợ 40 phòng học	Vốn tăng thu + kết dư	
9	Xây dựng nhà ở DQTT huyện, nhà xe, nhà trực ban nội vụ và tiếp công dân		4.400	3.600					3.600	3.600					3.600	-
10	Đầu tư trang thiết bị các phòng họp trực tuyến và Hội trường UBND huyện		4.000	800		800				800		800				-
11	Cải tạo khuôn viên trước nhà bia ghi danh Liệt sỹ		2.100	2.000		2.000				2.000		2.000				-
12	Cải tạo sân nội bộ, nhà bảo vệ và nhà xe UBND xã Thanh Bình		1.150	900		900				900		900				-
13	XD hàng rào kẽm gai, BT-GPMB khu vùng lõi căn cứ hậu cần - kỹ thuật huyện Hớn Quản	10/NQ-HĐND ngày 20/4/2023	6.500	6.000	3.010	2.990				1.000	-	1.000				(5.000)
14	XD chốt dân quân biên giới thuộc xã An Phú	10/NQ-HĐND ngày 20/4/2023	2.600	1.590	1.590					500	-	500				(1.090)
15	XD chốt dân quân biên giới thuộc xã Minh Tâm	10/NQ-HĐND ngày 20/4/2023	4.900	2.300	2.300					500	-	500				(1.800)
16	Cải tạo, nâng cấp nhà bia ghi danh liệt sỹ xã Phước An		800							800					800	800
17	Sửa chữa nhà bia ghi danh liệt sỹ xã Tân Lợi		500							500					500	500
18	Sửa chữa nhà làm việc 01 cửa xã An Phú		300							300					300	300
	Y tế		12.250	8.250	4.000	4.150	100	-	-	8.250	4.000	4.150	100	-	-	-
1	Xây dựng các công trình phục vụ Y tế		12.000	8.000	4.000	4.000				8.000	4.000	4.000				-
2	Sửa chữa trạm y tế xã Tân Hưng		150	150		150				150		150				-
3	Sửa chữa trạm y tế xã Minh Đức		100	100			100			100			100			-
C	Vốn phân cấp xã đầu tư XD NTM nâng cao			13.200	-	-	13.200			4.200	-	-	4.200			(9.000)
D	Vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS			10.050		438	9.612			10.028		438	9.590			(22)
E	Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			115			115			1.550			1.550			1.435
F	Vốn tất toán các công trình giai đoạn 2021-2025			30.471	22.720	7.751	-			30.471	22.720	7.751	-			-
G	Vốn chuẩn bị đầu tư			6.080	2.030	4.050				7.080	3.030	3.550			500	1.000
H	Dự phòng			22.770	-	22.770	-			35.090	9.320	23.770	2.000		-	12.320